

Số: 58 /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 04 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau
Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 30/TTr-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thông qua Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tư đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2021./.

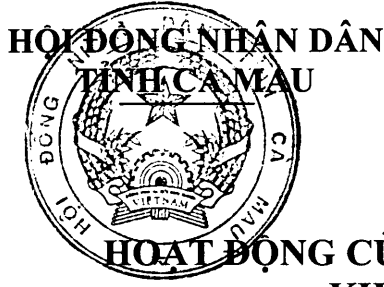
Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



*** Nguyễn Tiến Hải**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 58/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh; mối quan hệ công tác và công tác đảm bảo cho hoạt động của HĐND tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

b) Các nội dung không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019 (sau đây gọi chung là Luật Tổ chức chính quyền địa phương); Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi chung là Luật Ban hành văn bản QPPL); Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 (sau đây gọi chung là Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND); Luật Tiếp công dân năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐND tỉnh

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; đại biểu HĐND tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Chương II **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Mục 1 **VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

Điều 3. Vị trí, vai trò

1. HĐND tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. HĐND tỉnh quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn

HĐND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và quy định tại các luật, văn bản QPPL khác có liên quan.

Mục 2 **CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Điều 5. Kỳ họp

1. HĐND tỉnh họp thường lệ mỗi năm hai lần, gồm kỳ họp giữa năm và kỳ họp cuối năm.

2. HĐND tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết các công việc đột xuất khi Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. HĐND tỉnh họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh thì HĐND tỉnh quyết định họp kín.

Điều 6. Nội quy kỳ họp

1. Kỳ họp là hình thức hoạt động chủ yếu của HĐND tỉnh. Tại kỳ họp, HĐND tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

2. Chủ tọa kỳ họp có trách nhiệm điều hành kỳ họp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh Cà Mau Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (*sau đây gọi chung là Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh*) và chương trình, nội dung đã được HĐND tỉnh thông qua.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh và các văn bản có liên quan;

b) Tham gia đầy đủ kỳ họp, phiên họp của HĐND tỉnh;

c) Khi tham dự kỳ họp, đại biểu mang theo tài liệu đã được gửi trước bằng văn bản giấy hoặc truy cập tài liệu đã gửi trên Trang Thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh; quản lý, sử dụng tài liệu kỳ họp theo quy định. Đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu và tham gia ý kiến tại kỳ họp;

d) Đại biểu đến tham dự kỳ họp đúng giờ. Trường hợp đại biểu không thể đến dự kỳ họp, phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND tỉnh. Nếu vắng mặt trong một phiên họp hoặc đến họp muộn phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu để báo cáo với Chủ tọa hoặc Thư ký kỳ họp;

đ) Đại biểu đeo phù hiệu khi tham dự kỳ họp, phiên họp, ngồi đúng vị trí được bố trí; không sử dụng điện thoại di động, không ra ngoài làm việc riêng.

Khi tham dự kỳ họp, đại biểu nữ mặc bộ áo dài truyền thống hoặc bộ comple nữ, đi giày hoặc dép có quai hậu; đại biểu nam mặc bộ comple có thắt cà vạt hoặc mặc quần tây, áo sơ mi dài tay, thắt cà vạt, đi giày; đại biểu trong lực lượng vũ trang, cơ quan tư pháp mặc trang phục theo quy định của ngành; đại biểu là tôn giáo mặc trang phục theo tôn giáo mình.

4. Các đại biểu khách mời tham dự kỳ họp, nam mặc quần tây, áo sơ mi, đi giày; nữ mặc bộ áo dài truyền thống hoặc bộ comple nữ, đi giày hoặc dép có quai hậu.

a) Phóng viên báo chí khi tác nghiệp tại kỳ họp, phiên họp của HĐND tỉnh mặc trang phục đẹp, lịch sự; không phỏng vấn đại biểu trong giờ họp; ngồi theo vị trí đã được xác định trong hội trường và phải thực hiện nghiêm túc quy định của Chủ tọa kỳ họp.

b) Tất cả đại biểu khách mời, phóng viên báo chí khi tham dự kỳ họp, phiên họp phải tắt chuông điện thoại hoặc để chế độ im lặng; hạn chế làm việc riêng.

Điều 7. Chuẩn bị và triệu tập kỳ họp

1. Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh gửi văn bản yêu cầu UBND tỉnh chuẩn bị các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp.

2. Chậm nhất 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì họp với UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban của HĐND tỉnh, Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh và các cơ quan liên quan để thống nhất dự kiến nội dung chương trình kỳ họp; phân công các cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết; phân công các Ban của HĐND tỉnh (*sau đây gọi chung là các Ban*) chuẩn bị thẩm tra.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 07 ngày đối với kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Dự kiến chương trình kỳ họp được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

4. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan gửi Thường trực HĐND tỉnh các báo cáo, hồ sơ dự thảo nghị quyết trình kỳ họp để các Ban thực hiện thẩm tra.

Trường hợp các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết của các cơ quan, đơn vị gửi chậm hơn thời gian quy định (trừ trường hợp đặc biệt do Thường trực HĐND tỉnh quyết định), các Ban có quyền từ chối thẩm tra.

5. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan liên quan trong công tác chuẩn bị nội dung kỳ họp.

6. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban phải hoàn thành việc thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh. Các trường hợp đặc biệt do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

7. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, tài liệu kỳ họp phải được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh, riêng văn bản QPPL gửi chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc. Đối với kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc đột xuất, tài liệu gửi cho đại biểu chậm nhất là 02 ngày trước ngày khai mạc.

Điều 8. Khách mời tham dự kỳ họp

1. Đại biểu Quốc hội (ĐBQH) được bầu tại tỉnh Cà Mau; đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ.

2. Các thành phần khác theo quy định tại khoản 2, 3 và 4, Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 9. Thảo luận Tổ tại kỳ họp

1. Thường trực HĐND tỉnh gợi ý những vấn đề đại biểu cần tập trung thảo luận; quyết định việc chia Tổ thảo luận, phân công Tổ trưởng, Tổ phó và Thư ký của Tổ thảo luận.

2. Tổ trưởng điều hành việc thảo luận tại Tổ; Thư ký của Tổ thảo luận có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ, chính xác ý kiến của đại biểu và gửi cho Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

Điều 10. Thảo luận tại phiên họp toàn thể

1. Thường trực HĐND tỉnh dự kiến những nội dung đại biểu cần tập trung thảo luận tại phiên họp toàn thể.

2. Tại phiên họp toàn thể, đại biểu có ý kiến phát biểu phải đăng ký trước với Thư ký kỳ họp hoặc giờ Thở đại biểu để đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp. Thời gian phát biểu lần đầu không quá 07 phút, lần thứ hai về cùng một vấn đề không quá 05 phút. Chủ tọa kỳ họp sẽ nhắc đại biểu nếu phát biểu không đúng trọng tâm hoặc quá thời gian quy định.

Trong trường hợp đại biểu đã đăng ký mà chưa được phát biểu thì đại biểu ghi lại ý kiến của mình gửi Chủ tọa kỳ họp và Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

3. Các nội dung thảo luận được ghi đầy đủ, trung thực, chính xác vào biên bản kỳ họp.

4. Thường trực HĐND tỉnh quyết định những vấn đề cần giải trình làm rõ đề yêu cầu UBND tỉnh và các cơ quan hữu quan báo cáo tại phiên họp toàn thể. Các cơ quan, tổ chức được yêu cầu giải trình phải có báo cáo giải trình bằng văn bản tại kỳ họp. Thường trực HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan giải trình, làm rõ vấn đề nếu báo cáo giải trình chưa đầy đủ.

Điều 11. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể

1. HĐND tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu HĐND tỉnh không được biểu quyết thay cho đại biểu HĐND khác.

2. HĐND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

a) Biểu quyết công khai;

b) Bỏ phiếu kín.

3. Trình tự biểu quyết tại phiên họp toàn thể được tiến hành như sau:

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết;

b) Đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp công bố kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng Thẻ đại biểu. Trưởng ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

Điều 12. Thư ký kỳ họp

1. Trong mỗi kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh phân công Thư ký kỳ họp.

Thư ký kỳ họp có từ 03 đến 05 thành viên, gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các thành viên khác có khả năng tổng hợp, tham mưu cho Chủ tọa kỳ họp việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp.

2. Thư ký kỳ họp có nhiệm vụ: lập danh sách đại biểu có mặt, vắng mặt trong các phiên họp, kỳ họp; ghi biên bản phiên họp, kỳ họp; tổng hợp danh sách đăng ký phát biểu, chất vấn của đại biểu; tổng hợp ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ thảo luận và phiên họp toàn thể; giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp; giúp Thường trực phối hợp với các Ban chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác trình kỳ họp.

Trình bày một số văn bản tại kỳ họp khi Chủ tọa phân công; phối hợp với các Ban hoàn chỉnh các nghị quyết đã được thông qua tại kỳ họp để ban hành và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 13. Thông qua, ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản kỳ họp

1. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 85 và Điều 91 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Nghị quyết của HĐND tỉnh do Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

3. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp ký tên.

4. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp phải được Thường trực HĐND tỉnh gửi lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

5. Nghị quyết của HĐND tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định. Đồng thời, được đăng Công báo điện tử của tỉnh, đăng trên Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi giám sát

1. HĐND tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh; giám sát quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND huyện, thành phố.

2. HĐND tỉnh thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh.

3. HĐND tỉnh thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh, Cục THADS tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND;

b) Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND tỉnh; Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND tỉnh;

c) Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh;

d) Giám sát chuyên đề;

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

4. Căn cứ vào kết quả giám sát, HĐND tỉnh có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản đề thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của HĐND tỉnh;

b) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện trái với Hiến pháp, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh;

c) Ban hành nghị quyết về chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn khi xét thấy cần thiết;

d) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh.

Điều 15. Chương trình giám sát

1. HĐND tỉnh quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh trình trên cơ sở kiến nghị của các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

2. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng năm theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND;

3. Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm tại kỳ họp giữa năm sau của HĐND tỉnh.

Điều 16. Xem xét báo cáo

1. Tại kỳ họp thứ Nhất, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trình HĐND tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương trong cuộc bầu cử đại biểu HĐND.

Tại các kỳ họp sau kỳ họp thứ Nhất, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trình HĐND tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương; Thường trực HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri ở địa phương đã được gửi đến HĐND tỉnh tại kỳ họp trước.

Trong trường hợp cần thiết, HĐND tỉnh thảo luận và ra nghị quyết về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm, HĐND tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Quy chế này và báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh.

4. Theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo của các Ban.

5. HĐND tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 17. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp

Việc chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 18. Xem xét văn bản QPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Giám sát chuyên đề

HĐND tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 20. Lấy phiếu tín nhiệm

1. HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của HĐND tỉnh;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh.

2. Việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp theo trình tự:

a) Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;

b) HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;

c) HĐND tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu HĐND tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

Điều 21. Bỏ phiếu tín nhiệm

HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu theo quy định tại Điều 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 22. Vị trí, vai trò

1. Thường trực HĐND tỉnh là cơ quan thường trực của HĐND tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND tỉnh.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, trường hợp phát sinh những vấn đề cấp thiết, cần phải xử lý để đảm bảo giải quyết gấp công việc trong trường hợp đặc biệt nhưng không thể tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc đột xuất, thì Thường trực HĐND tỉnh trao đổi thống nhất với UBND tỉnh ban hành kết luận để giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Thường trực HĐND tỉnh

1. Chủ tịch HĐND lãnh đạo hoạt động và thay mặt Thường trực HĐND tỉnh giữ mối liên hệ với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương; UBND tỉnh, các cơ quan Nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của UBND tỉnh, các tổ chức xã hội khác và công dân.

2. Phó Chủ tịch HĐND giúp Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch.

3. Chủ tịch HĐND phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 25. Nguyên tắc hoạt động, hình thức làm việc

1. Thường trực HĐND tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh phân công trách nhiệm cá nhân phụ trách từng lĩnh vực cụ thể; các thành viên chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực và chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

2. Thường trực HĐND tỉnh họp mỗi tháng ít nhất một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

3. Các hình thức làm việc của Thường trực HĐND tỉnh

a) Phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh;

b) Cuộc họp, hội nghị, hội ý, trao đổi;

c) Cho ý kiến bằng văn bản.

4. Lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh thường xuyên hội ý, trao đổi để giải quyết công việc hàng ngày, đột xuất, phát sinh. Chủ tịch HĐND quyết định nội dung xin ý kiến thành viên Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản khi cần thiết.

Điều 26. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh

1. Hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh.

2. Các cơ quan báo chí được tham dự, đưa tin về các hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh khi được mời.

3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là người phát ngôn của Thường trực HĐND tỉnh, chịu trách nhiệm thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh.

Mục 2

CÁC PHIÊN HỌP, CUỘC HỌP, HỘI NGHỊ CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 27. Phiên họp

1. Phiên họp là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Phiên họp thường kỳ được tổ chức mỗi tháng một lần, vào đầu tháng, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh.

3. Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực dự.

Điều 28. Chương trình phiên họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp; nếu Chủ tịch vắng mặt thì một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền chủ tọa phiên họp.

2. Căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực, cơ quan, tổ chức hữu quan, Chủ tịch HĐND tỉnh có thể điều chỉnh chương trình phiên họp.

Điều 29. Chuẩn bị nội dung trình tại phiên họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung phiên họp. Các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực chuẩn bị những nội dung được Chủ tịch HĐND tỉnh phân công.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh gửi dự kiến chương trình phiên họp đến cơ quan, tổ chức có nội dung trình Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất là 10 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp; gửi dự kiến chương trình phiên họp cùng với quyết định triệu tập phiên họp đến thành viên Thường trực chậm nhất là 03 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp.

3. UBND tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh, các Ban, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Các nội dung trình tại phiên họp gửi cho Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc phiên họp.

Điều 30. Thành phần tham dự phiên họp

1. Thành viên Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp; trường hợp không thể dự phiên họp phải báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Thành viên Thường trực là Trưởng ban của HĐND tỉnh khi vắng mặt được cử cấp phó dự phiên họp. Người dự họp thay được phát biểu ý kiến cá nhân khi Chủ tọa phiên họp đồng ý nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Thành phần khách mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh gồm:

a) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh.

b) Thành phần quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm dự họp đúng thành phần, trường hợp không thể dự phiên họp thì phải thông báo đến Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh.

Điều 31. Hồ sơ tài liệu phiên họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định những tài liệu được lưu hành tại phiên họp theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
2. Tài liệu phiên họp được gửi đến thành viên Thường trực HĐND tỉnh và khách mời dự phiên họp chậm nhất là 03 ngày trước ngày tổ chức phiên họp; riêng các tài liệu có nội dung quan trọng, cần thời gian nghiên cứu gửi đến thành viên Thường trực chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức phiên họp.
3. Đại biểu tham dự phiên họp có trách nhiệm thực hiện những quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu theo quy định.
4. Tài liệu của phiên họp được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 32. Chủ tọa phiên họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc, bế mạc phiên họp và Chủ tọa phiên họp; bảo đảm thực hiện chương trình làm việc phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

Phó Chủ tịch khai mạc, bế mạc phiên họp theo ủy quyền của Chủ tịch HĐND tỉnh trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt; điều hành phiên họp theo sự phân công.

2. Chủ tọa phiên họp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Xác định tính hợp lệ của phiên họp trên cơ sở thành phần dự phiên họp, nội dung hồ sơ, tài liệu trình Thường trực;
 - b) Nêu nội dung đề nghị tập trung thảo luận;
 - c) Mời thành viên Thường trực HĐND tỉnh phát biểu; mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
 - d) Quyết định kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thảo luận về một số nội dung của phiên họp;
 - đ) Tổng hợp ý kiến đã phát biểu, trường hợp cần thiết đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, biểu quyết về nội dung thuộc chương trình còn có ý kiến khác nhau và biểu quyết về nội dung thuộc chương trình phiên họp;
 - e) Ký biên bản phiên họp.

Điều 33. Báo cáo tại phiên họp

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân công báo cáo có trách nhiệm trình bày báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh. Trường hợp đặc biệt, có thể ủy quyền cho cấp phó báo cáo thay và phải được sự đồng ý của Chủ tọa phiên họp.
2. Thời gian trình bày báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết tại phiên họp không quá 15 phút. Căn cứ nội dung, tình hình thực tế, Chủ tọa phiên họp quyết định tăng, giảm thời gian trình bày hoặc yêu cầu báo cáo, giải trình thêm.

Điều 34. Thảo luận tại phiên họp

1. Chủ tọa điều hành phiên họp xác định mục đích, yêu cầu, nội dung thảo luận; mời thành viên Thường trực HĐND tỉnh phát biểu. Khi cần thiết, Chủ tọa phiên họp có thể mời đại biểu dự phiên họp phát biểu ý kiến. Thời gian phát biểu một lần không quá 07 phút.

2. Đối với các báo cáo, đề án và dự thảo nghị quyết cần cho ý kiến trước khi trình HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh tập trung thảo luận về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn hoặc nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau được cơ quan trình, cơ quan thẩm tra đề nghị.

Đối với các báo cáo, đề án và dự thảo Nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thảo luận toàn diện nội dung trước khi quyết định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định việc xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 35. Biểu quyết tại phiên họp

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

- a) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín;
- b) Biểu quyết bằng Thẻ đại biểu.

2. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết thông qua thì Thường trực thảo luận tập thể và Chủ tọa phiên họp quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 36. Biên bản phiên họp

1. Biên bản phiên họp phải ghi đầy đủ diễn biến của phiên họp, ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết của Thường trực HĐND tỉnh; có chữ ký của Chủ tọa phiên họp và Thư ký.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổ chức việc ghi biên bản phiên họp Thường trực.

Điều 37. Kết luận phiên họp

1. Sau phiên họp, căn cứ ý kiến thảo luận và phát biểu kết luận của Chủ tọa phiên họp, Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị dự thảo thông báo kết luận, xin ý kiến lãnh đạo HĐND tỉnh và trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được phân công theo lĩnh vực chuyên môn ký ban hành; hoặc giao Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ký phát hành.

2. Thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để nghiên cứu tiếp thu, tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp cơ quan trình báo cáo, đề án và dự thảo nghị quyết có ý kiến khác với kết luận của Thường trực thì phải báo cáo Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản.

Điều 38. Các cuộc họp, hội nghị khác

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức hội nghị để triển khai hoặc sơ, tổng kết việc thi hành nghị quyết của HĐND tỉnh; tổ chức hội nghị chuyên đề, hội nghị phối hợp công tác, tổ chức cuộc làm việc với các cơ quan, địa phương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh chủ trì các cuộc họp, hội nghị khác do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức.

3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng kế hoạch tổ chức, phục vụ các hội nghị, cuộc họp do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức.

Mục 3 HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 39. Nội dung, phạm vi giám sát

1. Xem xét quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND tỉnh, thành viên khác của UBND tỉnh, Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh và Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 40. Chương trình giám sát

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh; ý kiến của các thành viên Thường trực; đề nghị của các Ban và đại biểu HĐND tỉnh; của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm, các Ban, đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh gửi đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực HĐND tỉnh.

2. Chương trình giám sát hàng năm được Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định chương trình giám sát hàng năm theo trình tự sau đây:

- a) Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh;
- b) Thường trực HĐND tỉnh thảo luận;
- c) Thường trực HĐND tỉnh thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực HĐND tỉnh phân công thành viên Thường trực thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND tỉnh khi cần thiết.

4. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm của mình với HĐND tỉnh vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 41. Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 42. Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh

1. Thực hiện theo Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thời gian nêu chất vấn không quá 05 phút, thời gian trả lời chất vấn không quá 07 phút. Trường hợp đặc biệt do Chủ tọa phiên họp quyết định.

Điều 43. Giám sát chuyên đề

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 44. Hoạt động giải trình tại phiên họp

Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 45. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

Thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 46. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

Thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục 4 MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 47. Xem xét đề nghị xây dựng Nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh

1. UBND tỉnh, các Ban và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh căn cứ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy và yêu cầu thực tiễn của địa phương, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND tỉnh, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, quyết định.

a) Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL, bao gồm:

- Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết;

- Các tài liệu khác (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL, bao gồm:

- Tài liệu quy định tại Điều 114 Luật Ban hành văn bản QPPL;
- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của cơ quan soạn thảo;
- Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 của Luật Ban hành văn bản QPPL.

3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh gửi đề nghị xây dựng nghị quyết đến Thường trực HĐND tỉnh.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng có văn bản yêu cầu cơ quan trình bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5. Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết, nếu chấp thuận thì có văn bản phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình kỳ họp.

Điều 48. Tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh hướng dẫn Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, thành phố phối hợp với Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức tiếp xúc cử tri tại địa phương.

2. Tiếp xúc cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh:

a) Chậm nhất là 50 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh ban hành và triển khai kế hoạch để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri;

b) Chậm nhất là 35 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi về Thường trực HĐND tỉnh;

c) Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi cho UBND tỉnh chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh;

d) Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, UBND tỉnh gửi báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đến Thường trực HĐND tỉnh để Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban thẩm tra theo quy định.

3. Tiếp xúc cử tri sau kỳ họp HĐND tỉnh:

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, thành phố và Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri.

4. Trình tự thực hiện tiếp xúc cử tri:

a) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử Thư ký ghi biên bản hội nghị;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri (tại hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp). Báo cáo với cử tri kết quả kỳ họp, kết quả hoạt động của đại biểu, phổ biến nội dung các nghị quyết vừa được HĐND tỉnh thông qua (tại hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp);

c) Cử tri phát biểu ý kiến;

d) Đại diện UBND tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu giải trình và tiếp thu những vấn đề cử tri có ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền;

đ) Đại biểu HĐND tỉnh phát biểu tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri;

e) Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri phát biểu kết thúc hội nghị.

5. Thường trực HĐND tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri, đảm bảo các ý kiến, kiến nghị của cử tri được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Điều 49. Tiếp công dân và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Thường trực HĐND có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; xây dựng các quy trình, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân; tổ chức để đại biểu tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Phân công các thành viên của Thường trực HĐND tỉnh tiếp công dân định kỳ hàng tháng theo lịch tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh; tiếp nhận, nghiên cứu, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức và công dân, chuyển và đôn đốc các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị theo luật định.

3. Chủ tịch HĐND tỉnh có lịch tiếp công dân. Tùy theo yêu cầu của công việc, Chủ tịch có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch hoặc các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND tỉnh phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch HĐND tỉnh trong việc bố trí lịch tiếp công dân; ghi biên bản và tổng hợp kết quả cuộc tiếp công dân.

4. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trong việc tiếp công dân, xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân phù hợp với các quy định của pháp luật. Tổ chức hội nghị giao ban để xem xét, định hướng giải quyết đối với những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài của tổ chức, công dân khi cần thiết.

5. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức Đoàn giám sát, khảo sát hoặc giao cho các Ban giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh.

Điều 50. Tổ chức họp báo về nội dung, chương trình kỳ họp

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết các công việc đột xuất, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp báo thông báo ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin, báo chí ở địa phương để nhân dân biết.

Điều 51. Báo cáo, đánh giá kết quả tổ chức kỳ họp

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm tham mưu Thường trực HĐND tỉnh xây dựng đề cương báo cáo kết quả kỳ họp gửi đại biểu

HĐND tỉnh chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp để làm tư liệu báo cáo với cử tri.

2. Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp với đại diện lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Ban, Thư ký kỳ họp, lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan hữu quan để đánh giá công tác chuẩn bị, tổ chức, phục vụ kỳ họp.

Điều 52. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban

1. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, điều hòa, phân công các Ban trong hoạt động thẩm tra tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp; chỉ đạo các Ban đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và một số công việc khác.

2. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp của các Ban trong hoạt động giám sát, khảo sát; cho ý kiến về kế hoạch, chương trình, nội dung giám sát của các Ban, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp; xem xét kết quả giám sát, khảo sát của các Ban khi xét thấy cần thiết.

3. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình hoạt động của các Ban.

4. Tham dự các cuộc họp, giám sát, khảo sát của các Ban khi thấy cần thiết hoặc mời các thành viên Ban tham gia hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh.

5. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp giao ban của Thường trực HĐND tỉnh với các Ban khi thấy cần thiết.

6. Chỉ đạo, điều hòa các hoạt động khác của các Ban của HĐND tỉnh.

Điều 53. Chỉ đạo hoạt động Tổ đại biểu

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu trong việc tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri.

2. Phân công Tổ đại biểu giám sát theo quy định của pháp luật và quy định về giám sát chuyên đề của Tổ đại biểu tại Quy chế này; điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Tổ đại biểu.

3. Tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND và các văn bản QPPL khác, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Chỉ đạo việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh theo quy định.

5. Phân công đại biểu sinh hoạt theo Tổ đại biểu; phân công Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu.

6. Chỉ đạo các hoạt động khác của Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 54. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát UBND tỉnh, các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh

1. Yêu cầu UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương thì Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu UBND tỉnh hoặc cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh có thể trình kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập kỳ họp chuyên đề để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Phối hợp với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp; xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Ban và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 55. Cho ý kiến trình HĐND tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên UBND tỉnh, Hội thẩm nhân dân; phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND huyện, thành phố

1. Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về tờ trình, hồ sơ nhân sự và dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên UBND tỉnh, Hội thẩm nhân dân; phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND huyện, thành phố.

2. Trình tự thực hiện như sau:

a) Đại diện lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trình tờ trình, hồ sơ nhân sự và dự thảo nghị quyết.

b) Thường trực HĐND tỉnh thảo luận.

c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

d) Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 56. Đề nghị HĐND tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị hồ sơ nhân sự và dự thảo tờ trình của Thường trực HĐND tỉnh, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh xem xét danh sách đề nghị HĐND tỉnh theo trình tự sau:

a) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trình bày dự thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết;

b) Thường trực HĐND tỉnh thảo luận;

c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết;

d) Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết thông qua danh sách đề nghị.

Điều 57. Phê chuẩn danh sách Ủy viên các Ban; phê chuẩn việc cho thôi làm Ủy viên các Ban theo đề nghị của Trưởng ban của HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn danh sách Ủy viên và cho thôi làm Ủy viên các Ban của HĐND tỉnh theo trình tự sau:

1. Trưởng các Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm trình tờ trình và dự thảo nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh thảo luận;

3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết;

4. Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 58. Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trong việc thống nhất định hướng về số lượng, cơ cấu, thành phần ứng cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ mới

Căn cứ Nghị quyết và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì các cuộc họp để thảo luận và thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và UBND tỉnh về dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ mới theo quy định.

Chương IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 59. Vị trí, chức năng

1. Ban là cơ quan của HĐND tỉnh có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình kỳ họp; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực HĐND và HĐND tỉnh.

2. HĐND tỉnh thành lập 03 Ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

a) Ban Pháp chế chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền và quản lý địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Ban Kinh tế - Ngân sách chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Ban Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo, dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Điều 60. Nguyên tắc hoạt động

1. Ban của HĐND tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công; yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định.

4. Giúp HĐND tỉnh giám sát hoạt động của TAND tỉnh, VKSND tỉnh; giám sát hoạt động của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản QPPL thuộc phạm vi phụ trách.

5. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công.

6. Kiến nghị với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

7. Cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh theo yêu cầu.

8. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh.

9. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh; trong thời gian HĐND tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực HĐND tỉnh.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh phân công.

Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực HĐND tỉnh phân công;

b) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về mọi hoạt động của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

c) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh và các Ban khác, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn;

đ) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh;

e) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do UBND tỉnh và cơ quan hữu quan mời;

g) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát theo chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua và theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh;

h) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp HĐND tỉnh;

i) Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn danh sách Ủy viên hoặc cho thôi làm Ủy viên của Ban do mình phụ trách;

k) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Ban.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban

a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng ban vắng mặt thì Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban;

b) Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công;

c) Chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ chủ động báo cáo công việc đã thực hiện và dự kiến nhiệm vụ thời gian tới với Trưởng ban.

3. Ủy viên các Ban

a) Có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về nhiệm vụ được phân công.

b) Theo dõi, cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban.

c) Giữ mối liên hệ công tác với Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên khác của Ban.

d) Khi vắng mặt tại các cuộc họp, buổi làm việc của Ban thì trực tiếp báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban chủ trì cuộc họp, buổi làm việc đó.

đ) Trước các kỳ họp HĐND tỉnh, các thành viên Ban đề xuất với Ban nội dung cần chất vấn để Trưởng ban tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh hoặc chủ động chất vấn theo quy định của pháp luật.

e) Thời gian hoạt động của các thành viên theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cụ thể của từng Ban.

Điều 63. Chương trình, kế hoạch công tác; chế độ hội họp

1. Căn cứ chương trình hoạt động, chương trình giám sát hàng năm của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh, các Ban xây dựng chương trình công tác quý, 6 tháng, hàng năm.

2. Ban của HĐND tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và bàn chương trình công tác quý tiếp theo. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng Ban.

Hàng tháng, Trưởng ban, Phó Trưởng ban họp để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác tháng tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh và họp đột xuất khi cần thiết hoặc xin ý kiến thành viên bằng văn bản.

3. Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với HĐND tỉnh và báo cáo quý, sáu tháng, một năm với Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 64. Hoạt động giám sát, khảo sát

1. Các hoạt động giám sát

a) Thẩm tra các báo cáo do HĐND, Thường trực HĐND tỉnh phân công;
b) Giám sát quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND huyện, thành phố;

c) Giám sát chuyên đề;

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Chương trình giám sát

a) Các Ban xây dựng chương trình giám sát hàng năm căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban.

b) Chương trình giám sát hàng năm của các Ban được xem xét, quyết định vào cuối năm trước.

c) Các Ban chủ động tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực Ban phụ trách.

3. Hoạt động giám sát của các Ban đối với việc thẩm tra báo cáo; giám sát văn bản quy phạm pháp luật; giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân thực hiện theo quy định tại Điều 78, 79, 80, 81 và Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 65. Hoạt động thẩm tra

1. Hoạt động thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của các Ban của HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Các Ban gửi báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết QPPL đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; riêng đối với báo cáo thẩm tra về các nội dung khác gửi chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 66. Mỗi quan hệ phối hợp công tác

1. Các Ban thực hiện sự chỉ đạo, phân công, điều hòa, phối hợp của Thường trực HĐND tỉnh trong các hoạt động; báo cáo kịp thời, thường xuyên kết quả công tác của Ban với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND; Tham gia hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh khi được yêu cầu; chủ động đề xuất với Thường trực HĐND tỉnh chương trình công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động thuộc lĩnh vực của Ban.

2. Các Ban giữ mối quan hệ phối hợp thường xuyên trong công tác và trao đổi về những vấn đề có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ; phối hợp công tác trước, trong và sau các kỳ họp của HĐND tỉnh, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh. Đối với những nội dung hoạt động liên quan đến lĩnh vực của các Ban thì chủ động trao đổi, phối hợp thực hiện; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định.

3. Các Ban có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này đến công tác, làm việc ở địa phương và giữ mối quan hệ thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động do Ban phụ trách.

Giữ mối liên hệ chặt chẽ với lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực các Ban phụ trách. Mời đại biểu Quốc hội tỉnh tham dự các chương trình giám sát, tham dự các cuộc họp của các Ban có liên quan. Thực hiện chế độ trao đổi thông tin với Đoàn ĐBQH tỉnh về các hoạt động công tác của các Ban.

4. Các Ban phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh và một số cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, thẩm tra báo cáo, đề án có liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách và trong việc đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà các Ban yêu cầu.

5. Các Ban giữ mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong việc đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động của

Ban theo quy định của pháp luật và phối hợp trong việc điều hòa công việc cho chuyên viên giúp việc các Ban.

6. Các Ban phối hợp với Thường trực HĐND và các Ban của HĐND huyện, thành phố trong các hoạt động giám sát, khảo sát; giám sát việc ban hành văn bản QPPL của HĐND huyện, thành phố và các nội dung khác có liên quan.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 67. Vị trí, nguyên tắc làm việc

1. Các đại biểu HĐND tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu. Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Tổ đại biểu tương ứng với từng đơn vị hành chính huyện, thành phố.

2. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng và Tổ phó Tổ đại biểu do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

3. Tổ đại biểu HĐND tỉnh làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 68. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc về các vấn đề do HĐND, Thường trực HĐND tỉnh phân công.

2. Nghiên cứu tài liệu, chính sách pháp luật, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp và chất vấn tại kỳ họp. Xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri báo cáo Thường trực HĐND tỉnh. Sau kỳ họp, tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Phối hợp với Thường trực HĐND huyện, thành phố thuộc địa bàn hoạt động của Tổ đại biểu để tiếp công dân, giám sát, khảo sát; tạo điều kiện cho các đại biểu trong Tổ thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 69. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên

1. Tổ trưởng:

a) Chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về hoạt động của Tổ đại biểu;

b) Điều hành công việc, chủ trì các cuộc họp của Tổ đại biểu; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình, kế hoạch tiếp xúc cử tri; tiếp công dân; tổ chức hoạt động giám sát của Tổ theo quy định;

c) Thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Thường trực HĐND, UBND địa bàn

ứng cử để thực hiện nhiệm vụ của Tổ; tham dự các kỳ họp HĐND huyện, thành phố khi được mời;

d) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi Thường trực HĐND tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh. Tập hợp ý kiến chất vấn của thành viên trong Tổ đại biểu gửi Thường trực để yêu cầu thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan trả lời cho đại biểu hoặc tổng hợp đưa ra chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh;

đ) Báo cáo kết quả hoạt động của Tổ đại biểu với Thường trực HĐND tỉnh.

2. Tổ phó giúp việc cho Tổ trưởng thực hiện những công việc được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng về những nhiệm vụ được phân công.

3. Tổ viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ, trường hợp vắng phải xin ý kiến của Tổ trưởng; thực hiện các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công.

Điều 70. Chế độ họp, làm việc

1. Tổ đại biểu tổ chức họp định kỳ ít nhất một năm hai lần và họp trước mỗi kỳ họp (khi cần thiết) hoặc theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

Trước kỳ họp HĐND tỉnh, khi cần thiết Tổ đại biểu họp để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình kỳ họp; thống nhất nội dung, đăng ký đại biểu phát biểu thảo luận, chất vấn tại kỳ họp; tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến và nguyện vọng của cử tri. Sau kỳ họp, Tổ đại biểu tổ chức để các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp.

2. Hàng năm và trước khi kết thúc nhiệm kỳ, thành viên Tổ đại biểu phải báo cáo kết quả hoạt động của mình. Trên cơ sở đó, Tổ đại biểu họp đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổ và từng thành viên Tổ, gửi Thường trực HĐND tỉnh để theo dõi, tổng hợp và đề nghị cấp thẩm quyền xét khen thưởng (nếu có).

3. Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 71. Hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Trên cơ sở kế hoạch và lịch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND tỉnh, Tổ trưởng phối hợp với Thường trực HĐND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ và UBND huyện, thành phố tổ chức cho đại biểu trong Tổ tiếp xúc cử tri bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

2. Ngay sau khi kết thúc đợt tiếp xúc cử tri, chậm nhất 05 ngày phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri bằng văn bản gửi về Thường trực HĐND và Ban Thường trực Ủy ban UBND Việt Nam tỉnh.

Điều 72. Giám sát việc thi hành pháp luật của Tổ đại biểu

1. Tổ đại biểu thực hiện hoạt động giám sát theo phân công của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh hoặc chủ động giám sát theo thẩm quyền.

2. Trường hợp Tổ đại biểu giám sát theo thẩm quyền, Tổ trưởng quyết định đối tượng, phạm vi, nội dung, thời gian và thành phần tham gia giám sát.

a) Tổ đại biểu xây dựng kế hoạch giám sát đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến trước khi tổ chức thực hiện;

b) Kế hoạch giám sát do Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ đại biểu ký tên. Kế hoạch giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;

c) Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Tổ đại biểu báo cáo kết quả giám sát đến Thường trực HĐND tỉnh;

d) Tổ đại biểu có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Chương VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 73. Vị trí, vai trò, chức năng

1. Đại biểu HĐND tỉnh do cử tri của tỉnh bầu ra, là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong tỉnh; liên hệ chặt chẽ và chịu sự giám sát của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND tỉnh; trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Đại biểu HĐND có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của HĐND, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Các đại biểu bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

2. Nhiệm kỳ của đại biểu tỉnh theo nhiệm kỳ HĐND tỉnh.

Điều 74. Nhiệm vụ của đại biểu

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND; trường hợp không tham dự được phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND tỉnh.

2. Đeo phù hiệu đại biểu HĐND tỉnh khi tham dự kỳ họp, phiên họp và khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh.

3. Nghiên cứu dự kiến nội dung, chương trình và tài liệu kỳ họp do Thường trực HĐND tỉnh gửi; tham gia ý kiến, kiến nghị các nội dung thuộc trách nhiệm của đại biểu và gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu để tổng hợp, gửi Thường trực HĐND tỉnh xử lý theo quy định. Thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung phiên họp kín của HĐND tỉnh.

4. Tham gia thảo luận và biểu quyết chương trình kỳ họp, phiên họp, các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh; thảo luận ở Tổ thảo luận, tại phiên

hợp toàn thể; có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

5. Tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân theo quy định tại Điều 78 Quy chế này.

6. Tham gia giám sát theo chương trình giám sát của HĐND tỉnh; chương trình, kế hoạch giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu; chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri.

7. Đại biểu hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu làm nhiệm vụ đại biểu.

8. Tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 75. Quyền của đại biểu

1. Chất vấn Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND tỉnh; Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu chất vấn.

2. Giám sát quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp huyện; giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

3. Gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực HĐND tỉnh trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu, kiến nghị tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

4. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; đồng thời gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu để biết và Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, giải quyết.

5. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh.

7. Được hưởng quyền miễn trừ của đại biểu HĐND tỉnh theo quy định; được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ đại biểu.

9. Được đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu nơi đại biểu đến nhận công tác theo phân công, điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 76. Hoạt động giám sát của đại biểu

1. Đại biểu HĐND tỉnh giám sát thông qua hoạt động chất vấn tại kỳ họp; giám sát quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp huyện; giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 84 đến Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản có liên quan.

Điều 77. Tiếp xúc cử tri của đại biểu

1. Đại biểu HĐND tỉnh liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri.

Thực hiện tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh và Tổ đại biểu. Tích cực nghiên cứu, nắm bắt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương để cung cấp thông tin, giải thích, tuyên truyền cho cử tri.

2. Sau mỗi kỳ họp, đại biểu có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến, tuyên truyền các nghị quyết của HĐND tỉnh, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

3. Mỗi năm một lần vào cuối năm, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Điều 78. Trách nhiệm của đại biểu trong việc tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, kế hoạch tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh và Tổ đại biểu.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn và đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

3. Đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại biểu HĐND tỉnh tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH 13 ngày 15/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VII **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 79. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với các cơ quan Trung ương, với Tỉnh ủy

1. Thường trực HĐND tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Bộ, ban, ngành Trung ương. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các bộ, ban, ngành Trung ương khi đến làm việc tại tỉnh. Báo cáo kết quả hoạt động với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ theo quy định.

2. Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các hoạt động của mình. Thực hiện chế độ báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Điều 80. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh mời Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh; dự các cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh; mời đại biểu Quốc hội được bầu tại tỉnh dự các kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự một số hoạt động giám sát, khảo sát và dự các hội nghị, hội thảo do Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức.

3. Thường trực HĐND tỉnh và Đoàn ĐBQH tỉnh phối hợp trong việc tiếp dân; dự kiến chương trình, thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri; đôn đốc và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh; phối hợp trong thực hiện công tác đối ngoại.

Điều 81. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

1. Quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của UBND tỉnh là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

Mỗi năm hai lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực HĐND tỉnh thông báo bằng văn bản đến Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về tình hình

tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh, nêu những kiến nghị với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh được mời dự kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh để thông báo về hoạt động của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến, kiến nghị của cử tri và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với HĐND tỉnh, UBND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh.

Đại diện Thường trực HĐND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của UBND tỉnh theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu thực hiện tốt nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của UBND tỉnh thường xuyên giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND tỉnh.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu, đề nghị bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Thường trực HĐND tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của UBND tỉnh tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản QPPL và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Điều 82. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với TAND tỉnh, VKSND tỉnh, Cục THADS tỉnh

1. Mối quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với TAND, VKSND tỉnh là quan hệ giữa cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương với cơ quan tư pháp cùng cấp.

2. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và Chánh án TAND tỉnh trong việc bầu Hội thẩm nhân dân, bầu Trưởng đoàn, Phó trưởng Đoàn Hội thẩm nhân dân.

3. TAND tỉnh, VKSND tỉnh, Cục THADS tỉnh có trách nhiệm báo cáo hoạt động của ngành mình với HĐND tỉnh. Phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị báo cáo phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh và phối hợp thực hiện các hoạt động khác có liên quan.

Điều 83. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp; tiếp xúc cử tri; đơn đốc giải quyết kiến nghị của cử tri; giám sát, khảo sát; đơn đốc giải quyết các kiến

ng nghị sau giám sát, sau chất vấn; đôn đốc giải quyết đôn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh khi có yêu cầu. Trả lời bằng văn bản các yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban, đại biểu HĐND tỉnh.

3. UBND tỉnh có trách nhiệm mời Thường trực HĐND, đại diện Ban của HĐND tỉnh có liên quan dự các hội nghị do UBND tỉnh tổ chức, bàn về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; gửi Thường trực HĐND tỉnh các văn bản QPPL do mình ban hành, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, các thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị và các văn bản quan trọng khác.

4. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, nếu có những vấn đề phát sinh do thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc do yêu cầu cấp thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Quy chế này thì UBND tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản, tờ trình và các tài liệu liên quan để Thường trực HĐND tỉnh xem xét. Khi được Thường trực quyết định thì UBND tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 84. Hoạt động phối hợp giữa Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực HĐND các huyện, thành phố

1. Định kỳ hàng năm, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp giao ban với Thường trực HĐND huyện, thành phố để trao đổi thông tin; thảo luận, đề xuất các biện pháp thực hiện tốt nghị quyết của HĐND; trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động.

2. Thường trực HĐND tỉnh mời đại diện Thường trực HĐND huyện, thành phố tham dự kỳ họp của HĐND tỉnh. Thường trực HĐND huyện, thành phố mời đại diện Thường trực và đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại địa phương dự kỳ họp ở cấp mình.

3. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND huyện, thành phố trong các hoạt động giám sát, khảo sát; giám sát việc ban hành văn bản QPPL của HĐND huyện, thành phố.

4. Thường trực HĐND huyện, thành phố gửi báo cáo hoạt động định kỳ và các báo cáo khác về Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Chương VIII CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 85. Điều kiện bảo đảm

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh được bảo đảm từ nguồn ngân sách của tỉnh do HĐND tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh được bố trí các điều kiện bảo đảm cho hoạt động theo quy định.

Điều 86. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu hoạt động chuyên trách được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đại biểu hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Đại biểu hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

4. Ngoài các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đại biểu HĐND tỉnh được bảo đảm hoạt động như sau:

a) Được cung cấp các tài liệu của kỳ họp; các nghị quyết của HĐND tỉnh, các quyết định của UBND tỉnh cụ thể hóa nghị quyết của HĐND và các tài liệu cần thiết khác;

b) Được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật. Khi làm nhiệm vụ đại biểu, xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu khi có yêu cầu;

c) Được cấp thẻ bảo hiểm y tế nếu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; khi qua đời được hưởng chế độ mai táng theo quy định của pháp luật;

d) Được hưởng hoạt động phí hàng tháng; được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của đại biểu theo quy định.

Điều 87. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ các hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh.

2. Tham mưu, giúp HĐND tỉnh lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định; tổ chức thực hiện dự toán; quản lý kinh phí hoạt động bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm các điều kiện khác phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh.

Điều 88. Việc sử dụng con dấu của HĐND tỉnh và chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu HĐND tỉnh ban hành.

**Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 89. Công tác thi đua, khen thưởng

1. HĐND tỉnh, các Ban, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao thì được xét khen thưởng theo quy định.

2. UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này.

Điều 90. Xử lý vi phạm

1. Đại biểu HĐND tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị HĐND tỉnh hoặc cử tri bãi nhiệm. Việc bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 102 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh bị khởi tố bị can thì Thường trực HĐND tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu đó.

Đại biểu HĐND tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Đại biểu HĐND tỉnh bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu HĐND kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Đại biểu HĐND tỉnh đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh.

5. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất việc đại biểu bị mất quyền đại biểu HĐND, đồng thời thông báo để cử tri ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu biết.

Điều 91. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh giúp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

Điều 92. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, khi có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.